

# プラスチック製容器包装

ロシア語

Пластмассовые контейнеры и упаковка

インドネシア語

Bungkusan plastik

タイ語

กล่องและบรรจุภัณฑ์พลาสติก

ベトナム語

Các đồ đựng hay đóng gói bằng plastic